

Bản án số: 54/2019/HS-ST

Ngày: 13-08-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học
2. Ông Nguyễn Duy Biên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Quốc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 06 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 07 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T - Sinh ngày: 11/10/1998; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết) và con bà: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1975; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2014, bị Công an xã X xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 21/3/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù giam về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 BLHS.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Công ty TNHH N

Trụ sở chính: Tổ B, Phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh

Do ông: Trần Thanh H – Sinh năm: 1980

Chức vụ: Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh

** Người có quyền lợi liên quan:*

1. Chị Trần Thị P – Sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn Hữu L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Phạm Văn N – Sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn D, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 01 năm 2019, khi đi qua khu vực Trạm điện ở Thôn B, xã X, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa và quan sát thấy nhiều trang thiết bị sắt thép của Công ty TNHH N địa chỉ: Nhà ông Trần Thanh H đang thi công Trạm điện không có người trông coi, bảo vệ nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Theo đó, từ ngày 03/01/2019 đến ngày 10/01/2019, Nguyễn Thanh T đã hai lần lợi dụng sơ hở, lén lút đột nhập vào công trường thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty TNHH N, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 03/01/2019, Nguyễn Thanh T đi bộ từ nhà mình ra khu vực Trạm điện đang thi công ở Thôn B, xã X, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, quan sát thấy không có ai trông coi, bảo vệ T đã đột nhập, lấy trộm được 16 thanh sắt mạ kẽm màu trắng, hình chữ U100, mỗi thanh dài 1.5m, rộng 16cm, nặng 21kg. Sau khi trộm cắp được tài sản, T đã mang số sắt trên cát giấu vào vườn bạch đàn cách đây khoảng 100m, rồi đi bộ lên ngã tư chợ Trúc thuộc xã X, huyện T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ của một người tên K để về nhà ăn cơm. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, T sử dụng chiếc xe mô tô này để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, T đã chở 04 chuyến, mỗi chuyến 04 thanh sắt đến nhà anh Phạm Văn N ở xã X, huyện T là người thu mua phế liệu và bán cho anh N 16 thanh sắt với giá 6.000đ/1kg. Tổng số tiền T thu được từ bán sắt là 2.016.000đ (Hai triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Lần thứ hai: Cũng với thủ đoạn trên, vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 10/01/2019, T tiếp tục đột nhập vào công trường đang thi công của công ty TNHH N trộm cắp được 13 thanh sắt mạ kẽm màu trắng, hình chữ U100, mỗi thanh dài 1.5m, rộng 16cm, nặng 21kg. Sau đó mang cát giấu ra khu vườn bạch đàn cách đó khoảng 100m chờ tiêu thụ. Sau khi lấy xong, T đi bộ ra ngã tư chợ Trúc, xã X thuê một người xe ôm khoảng 50 tuổi, đi xe Honda Dream chở ra khu vực gần chỗ cát giấu sắt và bảo người xe ôm đợi ở đây, còn T vào khu vực cát giấu sắt lấy 04 thanh sắt, thuê người xe ôm chở lại và bán cho chị Trần Thị P ở xã T, huyện T với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), T thanh toán tiền thuê xe ôm hết 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng). Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày T mượn xe mô tô của anh K chở nốt số sắt còn lại tiếp tục bán cho chị P với số tiền 1.120.000đ (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Khi chị P hỏi về số sắt ở

đầu thì T nói sắt làm công trình còn thừa không dùng đến nữa nên bán. Tổng số tiền T bán 13 thanh sắt cho chị P là 1.620.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền bán thanh sắt trong hai lần trộm cắp là 3.636.000đ (Ba triệu sáu trăm ba sáu nghìn đồng). T đã dùng toàn bộ số tiền này tiêu xài cho mục đích cá nhân.

Theo báo cáo của anh Trần Thanh H, là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/01/2019, khi cho nhân viên lấy vật liệu ở bãi tập kết để thi công thì phát hiện tài sản của công ty bị kẻ gian trộm cắp là 36 thanh sắt mạ kẽm hình chữ U100, mỗi thanh dài 1.50m, rộng 16cm, nặng 21kg. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 25/02/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã ra yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KLĐGTS ngày 26/02/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Tĩnh Gia đã kết luận: 36 thanh sắt mạ kẽm, hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm có trọng lượng mỗi thanh là 21kg có giá trị là 12.096.000đ (Mười hai triệu không trăm chín sáu nghìn đồng).

Trên cơ sở đó, trong quá trình điều tra đã xác định được T đã trộm cắp được tài sản có giá trị như sau:

+ Ngày 03/01/2019, T đã trộm cắp được 16 thanh sắt mạ kẽm, hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg có giá trị là 5.376.000đ (Năm triệu ba trăm bảy sáu nghìn đồng);

+ Ngày 10/01/2019, T đã trộm cắp được 13 thanh sắt mạ kẽm, hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg có giá trị là 4.368.000đ (Bốn triệu ba trăm sáu tám nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp là: 9.744.000đ (Chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

*** Về vật chứng:** Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã thu giữ được 04 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg tại gia đình chị Trần Thị P. Số vật chứng này đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH N.

- 09 thanh sắt còn lại chị P đã bán cho người thu mua phế liệu khác nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không thu giữ được.

- Đối với 16 thanh sắt T bán cho anh Phạm Văn N, đã được anh Trần Thanh H chủ động mua lại với giá 2.352.000đ (Ba triệu ba trăm năm hai nghìn đồng).

- Về 07 thanh sắt còn lại, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia chưa đủ cơ sở để kết luận T thực hiện hành vi trộm cắp nên đang tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ thì sẽ xử lý sau.

*** Về dân sự:**

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã thu giữ được 04 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH N do anh Trần Thanh H nhận. Còn lại 9 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg chị P đã bán cho người thu mua phế liệu khác Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không thu giữ được.

- Anh H yêu cầu T phải trả lại số 2.352.000đ (Hai triệu ba trăm năm hai nghìn đồng) là tiền anh H đã bỏ ra để chuộc 16 thanh sắt mà T đã bán cho anh N.

- Anh N và chị P không có yêu cầu đề nghị gì.

- Về 07 thanh sắt còn lại mà Công ty TNHH N đã mất, đến nay Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia chưa đủ cơ sở để kết luận T thực hiện hành vi trộm cắp nên đang tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ thì sẽ xử lý sau.

* Đối với hành vi của anh N và chị P đã thu mua lại các thanh sắt mà T trộm cắp được. Tuy nhiên có căn cứ để xác định khi mua cả anh N và chị P không biết rõ đó là tài sản T trộm cắp mà có nên hành vi của N và P không cấu thành tội phạm.

* Đối với người xe ôm mà T thuê chở sắt đi bán và người thanh niên tên K cho T mượn xe chở tài sản trộm cắp mang bán, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng nên không có cơ sở để xử lý.

Sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội T đã bỏ trốn khỏi địa phương ngày 09/4/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã ra quyết định truy nã số 04/CSSĐT đối với T. Đến ngày 15/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã bắt được T tại quận C, thành phố Hà Nội.

Bản cáo trạng số 50/CTr-VKS-HS ngày 14/06/2019 của VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

*** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo T là từ 12 tháng đến 15 tháng tù, tổng hợp với 12 tháng tù tại Bản án số 22/2019/HSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành Phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 24 tháng, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ (15/4/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho Công ty TNHH N do anh Trần Thanh H nhận 04 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm,

trọng lượng của mỗi thanh là 21kg. Còn lại 9 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg chị P đã bán cho người thu mua phế liệu khác Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không thu giữ được do đó nay đề nghị HĐXX buộc bị cáo T phải bồi thường cho Công ty TNHH N 3.024.000đ là giá trị của 9 thanh sắt nói trên.

+ Đề nghị HĐXX buộc T trả lại 2.352.000đ (Hai triệu ba trăm năm hai nghìn đồng) là tiền anh H đã bỏ ra để chuộc 16 thanh sắt mà T đã bán cho anh N.

Tổng số tiền mà bị cáo T phải bồi thường cho Công ty TNHH N là 5.376.000đ (Năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Anh N và chị P không có yêu cầu đề nghị gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Do đó có đủ căn cứ để khẳng định VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được "Trộm cắp tài sản" là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song, do lười biếng, muốn hưởng thụ mà lại không chịu lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 9.744.000đ (Chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là

cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo T đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; trong thời gian bị cáo đang chờ TAND huyện Hoài Đức, thành Phố Hà Nội xét xử về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo lại 02 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 15/4/2019 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã tại quận C, thành phố Hà Nội. Điều đó thể hiện bị cáo xem thường pháp luật, cố tình phạm tội. Do đó nghĩ cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo và giáo dục bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng đó là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 vì giá trị tài sản mỗi lần bị cáo trộm cắp đều trên hai triệu đồng.

[5] Về dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- + Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho Công ty TNHH N do anh Trần Thanh H nhận 04 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg.

Còn lại 9 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg chị P đã bán cho người thu mua phế liệu khác Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không thu giữ được do đó nay đề nghị HĐXX buộc bị cáo T phải bồi thường cho Công ty TNHH N 3.024.000đ là giá trị của 9 thanh sắt nói trên.

- + Buộc T trả lại 2.352.000đ (Hai triệu ba trăm năm hai nghìn đồng) là tiền anh Hải đã bỏ ra để chuộc 16 thanh sắt mà T đã bán cho anh N.

Tổng số tiền mà bị cáo T phải bồi thường cho Công ty TNHH N là 5.376.000đ (Năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- + Cho đến nay cả anh N và chị P đã giao nộp số sắt đã mua của T cho cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia để trả lại cho bị hại và đều không có yêu cầu đề nghị gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo tuổi cao, lại không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Nguyễn Thanh T 12 tháng tù, tổng hợp với 12 tháng tù tại bản án số 22/2019/HSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành Phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành cung của cả 2 bản án là 24 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (15/4/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

+ Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho Công ty TNHH N do anh Trần Thanh H nhận 04 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg.

Còn lại 9 thanh sắt hình chữ U100, dài 1.50m, rộng 16cm, trọng lượng của mỗi thanh là 21kg chị P đã bán cho người thu mua phế liệu khác Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia không thu giữ được do đó nay HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho Công ty TNHH N 3.024.000đ là giá trị của 9 thanh sắt nói trên.

+ Buộc Nguyễn Thanh T trả lại 2.352.000đ (Hai triệu ba trăm năm hai nghìn đồng) là tiền anh Hải đã bỏ ra để chuộc 16 thanh sắt mà T đã bán cho anh N.

Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho Công ty TNHH N là 5.376.000đ (năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I và điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 268.800đ (Hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại và người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh